VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Tiếp theo Công báo số 1311 + 1312)

Phụ lục V
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TỈNH PHÚ THỌ THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng V.1: Quy hoạch cảng thủy nội địa hàng hóa

STT	Tên cảng	Địa điểm dự kiến	Sông	Cỡ tàu tối đa (Tấn)
A	**Khu cảng trên địa phận thành phố Việt Trì**			
	Cảng đã có trong quy hoạch			
1	Cảng thủy nội địa Khánh Dư	Thành phố Việt Trì	Sông Hồng	1.000 - 3.000 tấn
2	Cảng thủy nội địa Việt Trì	Thành phố Việt Trì	Sông Lô	1.000 - 3.000 tấn
3	Cảng thủy nội địa Hải Linh	Thành phố Việt Trì	Sông Lô	1.000 - 3.000 tấn
4	Cảng thủy nội địa Dữu Lâu	Thành phố Việt Trì	Sông Lô	1.000 - 3.000 tấn
5	Cảng thủy nội địa Kim Đức	Thành phố Việt Trì	Sông Lô	1.000 - 3.000 tấn

STT	Tên cảng	Địa điểm dự kiến	Sông	Cỡ tàu tối đa (Tấn)
6	Cảng thủy nội địa Trường Phát	Thành phố Việt Trì	Sông Lô	1.000 - 3.000 tấn
7	Cảng thủy nội địa Lâu Thượng	Thành phố Việt Trì	Sông Lô	1.000 - 3.000 tấn
8	Các cảng thủy nội địa khác trên địa bàn thành phố Việt Trì			1.000 - 3.000 tấn
B	**Khu cảng trên sông Đà, sông Lô, sông Hồng**			
1	Cảng thủy nội địa Vụ Quang	Huyện Đoan Hùng	Sông Lô	1.000 tấn
2	Cảng thủy nội địa Đoan Hùng	Huyện Đoan Hùng	Sông Lô	1.000 tấn
3	Cảng thủy nội địa Ngọc Tháp	Thị xã Phú Thọ	Sông Hồng	1.000 tấn
4	Cảng thủy nội địa Trung Hà	Huyện Tam Nông	Sông Hồng - Sông Đà	1.000 tấn
5	Cảng thủy nội địa Hoàng Phương	Huyện Phù Ninh	Sông Lô	1.000 tấn
6	Cảng thủy nội địa Tiên Du	Huyện Phù Ninh	Sông Lô	1.000 tấn
7	Cảng thủy nội địa Yến Mao	Huyện Thanh Thủy	Sông Đà	1.000 tấn
8	Các cảng thủy nội địa khác trên địa bàn thị xã Phú Thọ và các huyện			1.000 tấn

Bảng V.2: Quy hoạch cảng thủy nội địa chuyên dùng

STT	Tên cảng	Địa điểm dự kiến	Sông	Cỡ tàu tối đa (Tấn)
1	Cảng thủy nội địa xăng dầu Hải Linh	Thành phố Việt Trì	Sông Lô	1.000 - 3.000 tấn
2	Cảng thủy nội địa xăng dầu Phú Thọ	Thành phố Việt Trì	Sông Lô	1.000 - 3.000 tấn
3	Cảng thủy nội địa An Đạo	Huyện Phù Ninh	Sông Lô	1.000 - 3.000 tấn
4	Các cảng thủy nội địa khác trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã			1.000 - 3.000 tấn

Ghi chú:

- Danh mục tuyến đường thủy nội bộ trên địa bàn tỉnh bao gồm các tuyến đường tại Phụ lục này và một số tuyến đường khác nghiên cứu đầu tư, thực hiện theo nhu cầu phát triển của tỉnh;

- Quy mô thực tế sẽ được tính toán trong quá trình đầu tư; tên, diện tích và phạm vi ranh giới các tuyến sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư./.

Phụ lục VI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG SẮT PHÚ THỌ THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng VI.1: Quy hoạch mạng lưới giao thông đường sắt

STT	Tên đường	Điểm đầu (trên địa phận tỉnh Phú Thọ)	Điểm cuối (trên địa phận tỉnh Phú Thọ)
A	**Đường sắt quốc gia**		
1	**Đường sắt hiện có**		
	Hà Nội - Lào Cai	Thành phố Việt Trì	Huyện Hạ Hòa
2	**Đường sắt xây dựng mới**		
	Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	Theo quy hoạch quốc gia	
B	**Đường sắt nội tỉnh**		
1	Tuyến nhánh vào nhà máy Supe phốt phát và hóa chất Lâm Thao	Ga Tiên Kiên	Nhà máy Supe phốt phát và hóa chất Lâm Thao
2	Nhánh vào cảng Việt Trì	Ga Việt Trì	Cảng Việt Trì
3	Tuyến nhánh vào Cụm công nghiệp Bắc Lâm Thao, huyện Lâm Thao	Ga Tiên Kiên	Cụm công nghiệp Bắc Lâm Thao, huyện Lâm Thao

Phụ lục VII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG HỖ TRỢ VẬN TẢI PHÚ THỌ THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng VII.1: Quy hoạch cảng cạn, trung tâm logistics

STT	Tên cảng/trung tâm logistics	Diện tích dự kiến (ha)
I	**Cụm cảng cạn Việt Trì**	
1	Cảng cạn Hải Linh - Thành phố Việt Trì	5
2	Cảng cạn Thụy Vân tại KCN Thụy Vân	10
II	**Trung tâm logistics**	
1	Trung tâm Logistics cấp vùng	30 - 50
2	Trung tâm Logistics cấp tỉnh (02 Trung tâm)	15 - 30

Bảng VII.2: Quy hoạch mạng lưới bến xe

STT	Bến xe	Vị trí	Quy mô tối thiểu (m^2)	Cấp hạng
	13-15 bến xe	13 huyện, thành, thị	5.000	I-IV

Ghi chú: *Quy hoạch mỗi huyện, thị, thành quy hoạch ít nhất một bến xe tối thiểu đạt loại 4 tại vị trí trung tâm thuận lợi, những nơi có quỹ đất cần xây dựng luôn bến xe loại 3 có phân kỳ đầu tư, thu hút nguồn lực xã hội hóa. Trong đó tiếp tục quan tâm huy động nguồn lực đầu tư xây dựng hoàn thành 03 bến xe trên địa bàn các huyện Đoan Hùng, Phù Ninh, Tam Nông, ở thành phố Việt Trì (02 bến) và thị xã Phú Thọ đạt loại 1, 2 (diện tích mặt bằng tối thiểu 10.000 m^2)./.*

Phụ lục VIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN, LƯỚI ĐIỆN TỈNH PHÚ THỌ THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN

I. DỰ ÁN ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TRONG QUY HOẠCH ĐIỆN VIII

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Công suất dự kiến	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
	Nhà máy thủy điện cột nước thấp Phú Thọ*	MW	105	Tỉnh Phú Thọ	

II. CÁC NGUỒN ĐIỆN TIỀM NĂNG

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Công suất dự kiến	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
I	**Thủy điện**				
1	Nhà máy thủy điện Lai Đồng	MW	3-4	Huyện Tân Sơn	
2	Nhà máy thủy điện Thu Cúc	MW	12	Huyện Tân Sơn	
3	Nhà máy thủy điện kết hợp thủy lợi Ngòi Giành	MW	15	Huyện Yên Lập	
II	**Điện sinh khối và nguồn khác**				
	Nhà máy điện sinh khối Phú Thọ	MW	50	Huyện Thanh Sơn	
III	**Điện rác**				
	Nhà máy xử lý đốt rác thải phát điện 110kV	MW	18	Huyện Phù Ninh	

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Công suất dự kiến	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
IV	**Điện mặt trời, điện gió, điện tự dùng,...**	**MW**	**361**		Nghiên cứu tiềm năng
V	**Điện nhà máy xi măng**	**MW**	**4**		Tự sản tự tiêu

Ghi chú:

(*) Đối với dự án thủy điện cột nước thấp Phú Thọ công suất 105 MW: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ rà soát, đánh giá toàn diện về hiệu quả kinh tế, xã hội, tác động của dự án đến hệ thống giao thông, thủy lợi, đê điều,..., ảnh hưởng của dự án đến môi trường, khảo sát ý kiến của cộng đồng dân cư; trên cơ sở đó, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc thực hiện hoặc không thực hiện dự án.

- Việc đầu tư các dự án nguồn điện tiềm năng chỉ được thực hiện khi bảo đảm phù hợp với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng theo Quy hoạch điện VIII và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật có liên quan.

Việc đầu tư các dự án thủy điện nhỏ phải được xem xét đánh giá kỹ lưỡng về tác động môi trường, đời sống dân sinh, diện tích chiếm đất,...; phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước,... và các quy định khác có liên quan.

C. DỰ KIẾN DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LƯỚI ĐIỆN

Bảng VIII.1: Danh mục xây mới và cải tạo các trạm biến áp 500kV, 220 kV và 110kV thời kỳ 2021-2030

STT	Hạng mục	Công suất hiện tại (MVA)	Quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030	
			Xây dựng mới dự kiến (MVA)	Nâng công suất dự kiến (MVA)
I	**Trạm biến áp 500kV**			
	500kV Việt Trì	2 x 450		2 x 900
II	**Trạm biến áp 220kV**			
1	220 kV Việt Trì	2 x 250		

STT	Hạng mục	Công suất hiện tại (MVA)	Quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030	
			Xây dựng mới dự kiến (MVA)	Nâng công suất dự kiến (MVA)
2	Phú Thọ	2 x 250		
3	Phú Thọ 2		1 x 250	2 x 250
4	Việt Trì 500kV nối cấp		1 x 250	2 x 250
5	Phú Thọ 3		1 x 250	
III	**Trạm biến áp 110kV**			
III.1	**Vùng I**			
1	Việt Trì (E4.1)	63 + 2 x 40		
2	Lâm Thao (E4.2)	2 x 16		
3	Bắc Việt Trì (E4.6)	2 x 63		
4	Phù Ninh (E4.10)	40 + 63		
5	Thụy Vân (E4.17)	1 x 63		2 x 63
6	Việt Trì 2 (E4.18)	1 x 63		2 x 63
7	Bãi Bằng (A4.2)	2 x 25		
8	Bạch Hạc		1 x 40	
9	Phù Ninh 2		1 x 40	2 x 40
10	Việt Trì 3		1 x 40	
11	Lâm Thao 2		1 x 63	2 x 63
12	Hợp Hải		1 x 40	40 + 63
13	Phù Ninh 3		1 x 63	
14	Phù Ninh 4		1 x 40	
III.2	**Vùng II**			
1	Đồng Xuân (E4.5)	2 x 25		2 x 40
2	Phú Thọ (E4.7)	2 x 40		2 x 63
3	Ninh Dân (E4.9)	2 x 25		
4	Cẩm Khê (E4.13)	25 + 40		2 x 40
5	Đoan Hùng (E4.14)	2 x 40		2 x 63

STT	Hạng mục	Công suất hiện tại (MVA)	Quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030	
			Xây dựng mới dự kiến (MVA)	Nâng công suất dự kiến (MVA)
6	Cẩm Khê 2	1 x 40		2 x 63
7	Phú Hà[1]	1 x 40		2 x 63
8	Hạ Hòa		1 x 40	2 x 40
9	Bãi Ba		1 x 63	2 x 63
10	Hạ Hòa 2		1 x 63	2 x 63
11	Đoan Hùng 2		1 x 63	2 x 63
12	Cẩm Khê 3		1 x 63	3 x 63
13	Cẩm Khê 4		1 x 40	2 x 40
14	Đoan Hùng 3		1 x 40	
15	Hạ Hòa 3		1 x 63	
16	Thanh Ba		1 x 63	
17	Thanh Ba 2		1 x 63	
18	Phú Hà 2		1 x 63	2 x 63
19	Cẩm Khê 5		1 x 63	2 x 63
III.3	**Vùng III**			
1	Phố Vàng (E4.8)	2 x 40		
2	Trung Hà (E4.11)[2]	25 + 40		2 x 63
3	Tam Nông (E4.16)	1 x 40		2 x 63
4	Yên Lập		1 x 40	
5	Tân Sơn		1 x 25	2 x 40
6	Thanh Thủy	1 x 40		2 x 63
7	Thanh Sơn		1 x 40	2 x 40
8	Tam Nông 2		1 x 63	2 x 63

[1] Đối với TBA 110kV Phú Hà: Giai đoạn 2021 - 2024: lắp đặt MBA T2-40MVA. Giai đoạn 2025 - 2030: Nâng công suất lên 2 x 63MVA.

[2] Đối với TBA 110kV Trung Hà: Giai đoạn 2021-2024: Nâng công suất MBA T1 từ 25MVA lên 40MVA. Giai đoạn 2025-2030: Nâng công suất từ 2 x 40MVA lên 2 x 63MVA.

STT	Hạng mục	Công suất hiện tại (MVA)	Quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030	
			Xây dựng mới dự kiến (MVA)	Nâng công suất dự kiến (MVA)
9	Thanh Sơn 2		1 x 63	2 x 63
10	Thanh Sơn 3		1 x 63	
11	Thanh Thủy 2		1 x 63	
12	Yên Lập 2		1 x 63	2 x 63
13	Tam Nông 3		1 x 63	
14	Trung Hà 2		1 x 63	2 x 63
III.4	**Các TBA 110kV dự phòng phát triển các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh**			

Bảng VIII.2: Danh mục xây mới và cải tạo các đường dây 110kV

STT	Hạng mục	Tiết diện	Quy mô	
			Số mạch	Tổng chiều dài (km)
A	**Giai đoạn 2021 - 2025**			
I	**Xây dựng mới**			
1	Đấu nối trạm 220kV Phú Thọ	400	4	0,7
2	Nhánh rẽ trạm 110kV Cẩm Khê 2	240	2	1
3	Nhánh rẽ trạm 110kV Hạ Hòa 2	300	2	9
4	220kV Phú Thọ - 110kV Cẩm Khê	400	2	8
5	220kV Phú Thọ - 110kV Bãi Ba	300	2	12
6	Nhánh rẽ trạm 110kV Phù Ninh 2	400	2	3
7	Nhánh rẽ trạm 110kV Phú Hà	400	2	5
8	Nhánh rẽ trạm 110kV Lâm Thao 2	400	2	3
9	Nhánh rẽ trạm 110kV Bạch Hạc	400	2	1

STT	Hạng mục	Tiết diện	Quy mô	
			Số mạch	Tổng chiều dài (km)
10	Đấu nối trạm 220kV Phú Thọ 2	400	4	2
11	220kV Phú Thọ 2 - Tân Sơn	300	2	4
12	Tân Sơn - Cẩm Khê	300	2	32
13	220kV Phú Thọ 2 - 110kV Phú Hà 2	400	2	21
14	Nhánh rẽ trạm 110kV Yên Lập	300	2	1
15	Nhánh rẽ trạm 110kV Tân Sơn	300	2	24
16	Nhánh rẽ trạm 110kV Thanh Sơn	300	4	3
17	Nhánh rẽ trạm 110kV Thanh Thủy	240	2	5
18	Nhánh rẽ trạm 110kV Hợp Hải	300	2	1
19	Nhánh rẽ trạm 110kV Tam Nông 2	400	2	1
20	Nhánh rẽ trạm 110kV Hạ Hòa	240	2	16
21	Lâm Thao 2 - Bãi Bằng + Lâm Thao	240	2	2
22	Đấu nối 110kV sau trạm 220kV nối cấp T500 Việt Trì	400	6	4
23	Nhánh rẽ trạm 110kV Việt Trì 3	400	2	1
24	Nhánh rẽ trạm 110kV Đoan Hùng 2	300	2	1
25	Nhánh rẽ trạm 110kV Cẩm Khê 3	400	4	1
26	Nhánh rẽ trạm 110kV Thanh Sơn 2	300	2	3
27	Nhánh rẽ Nhà máy xử lý đốt rác thải phát điện 110kV	400	2	3
28	Nhánh rẽ trạm 110kV Phú Hà 2	400	2	4
29	Hạ Hòa - Hạ Hòa 2	400	2	9
II	**Cải tạo nâng tiết diện**			
1	220kV Phú Thọ - 220kV Việt Trì	400	2	26

STT	Hạng mục	Tiết diện	Quy mô	
			Số mạch	Tổng chiều dài (km)
2	110kV Cẩm Khê - 110kV Đồng Xuân	400	2	15
3	220kV Việt Trì - 110kV Việt Trì	400	1	12
4	110kV Việt Trì - Vĩnh Tường	400	1	2,2
5	220kV Việt Trì - 110kV Phố Vàng	300	2	36
6	110kV Phố Vàng - Sơn Tây	300	2	50
7	Thác Bà - 220kV Phú Thọ	300	1	40
8	Nhánh rẽ 110kV Hạ Hòa	400	2	16
9	220kV Việt Trì - Việt Trì 2 - Việt Trì	400	1	25
10	220kV Phú Thọ - Ninh Dân - Đồng Xuân	400	1	26
B	**Giai đoạn 2026 - 2030**			
I	**Xây dựng mới**			
1	Nhánh rẽ trạm 110kV Phù Ninh 3	400	2	3
2	Nhánh rẽ trạm 110kV Phù Ninh 4	400	2	6
3	Nhánh rẽ trạm 110kV Đoan Hùng 3	300	2	1
4	Nhánh rẽ trạm 110kV Thanh Ba	400	2	2
5	Nhánh rẽ trạm 110kV Thanh Ba 2	300	2	3
6	Nhánh rẽ trạm 110kV Hạ Hòa 3	300	2	1
7	Đấu nối 110kV sau trạm 220kV Phú Thọ 3 (mạch 1)	300	4	5
8	Đấu nối 110kV sau trạm 220kV Phú Thọ 3 (mạch 2)	400	2	11
9	Nhánh rẽ trạm 110kV Cẩm Khê 4	400	2	4
10	Nhánh rẽ trạm 110kV Thanh Sơn 3	300	2	5
11	Nhánh rẽ trạm 110kV Thanh Thủy 2	300	2	5

STT	Hạng mục	Tiết diện	Quy mô	
			Số mạch	Tổng chiều dài (km)
12	Nhánh rẽ trạm 110kV Tam Nông 3	400	2	5
13	Nhánh rẽ trạm 110kV Trung Hà 2	300	2	1
14	Nhánh rẽ trạm 110kV Cẩm Khê 5	400	2	5
15	Thanh Thủy 2 - Thanh Thủy	300	2	6
16	Nhánh rẽ trạm 110kV Yên Lập 2	300	2	5
17	Nhánh rẽ Nhà máy điện sinh khối Phú Thọ	300	2	5

VIII.3: Khối lượng xuất tuyến trung áp xây dựng mới

Số xuất tuyến trung áp xây dựng mới: khoảng 597 lộ.

Khối lượng xây dựng mới và cải tạo đường dây trung áp: khoảng 2.150km.

Số TBA phân phối dự kiến xây dựng mới và cải tạo: khoảng 2.809 trạm phù hợp với phát triển TBA 110kV

Ghi chú:

- Việc đầu tư các trạm biến áp và tuyến đường dây 500kV và 220kV phải căn cứ vào Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với lưới điện phân phối (cấp điện áp 110kV và trung hạ áp)

- Đối với trạm biến áp:

+ Trong quá trình thực hiện của mỗi giai đoạn, quy mô của trạm biến áp sẽ được lựa chọn phù hợp với nhu cầu phụ tải và giải tỏa công suất nguồn điện.

+ Tiến độ, quy mô và vị trí của các trạm biến áp sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng Kế hoạch thực hiện quy hoạch, phụ thuộc vào nhu cầu phát triển của phụ tải và cấu hình lưới điện trong thực tế.

+ Cấp điện áp phía thứ cấp máy biến áp 110kV và số lượng xuất tuyến trung áp sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

- Đối với đường dây:

+ Phương án đấu nối các đường dây 110kV được thể hiện chi tiết trong sơ đồ nguyên lý lưới điện trong Báo cáo Tổng hợp gửi kèm hồ sơ và có thể điều chỉnh theo thực tế vận hành lưới điện.

+ Trong trường hợp có sự tăng trưởng phụ tải ở một số khu vực một cách đột biến dẫn đến phải điều chỉnh, bổ sung quy mô, thay đổi phương án đấu nối đường dây thực hiện theo quy định.

+ Sử dụng dây dẫn hoặc cáp ngầm có thông số kỹ thuật tương đương với chủng loại dây dẫn theo quy hoạch theo điều kiện thực tế. Chiều dài đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn thực hiện đầu tư.

- Các dự án đang thực hiện sẽ được chuyển tiếp (tiếp tục thực hiện) theo quy mô, phương án đã được phê duyệt.

- Lưới điện trung/hạ thế: Để đảm bảo quy hoạch mạng lưới điện đồng bộ và sát với thực tế tại địa phương, UBND tỉnh Phú Thọ tổ chức lập và phê duyệt phương án chi tiết phương án phát triển hệ thống trạm biến áp và đường dây sau các trạm biến áp 110kV thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để làm cơ sở thực hiện.

- Cấp điện cho KCN, CCN: Đối với các TBA 110kV cấp điện cho Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, căn cứ theo tình hình phát triển phụ tải thực tế và khả năng cấp nguồn cũng như phương án đấu nối phù hợp có thể điều chỉnh tăng quy mô công suất TBA hoặc bổ sung thêm TBA 110kV xây dựng mới.

Phụ lục IX

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH PHÚ THỌ THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
A	**Công trình cải tạo, nâng cấp**	
I	**Công trình tưới**	
1	Hồ Phượng Mao, hồ Suối Rồng và 10 - 15 trạm bơm tưới, hồ, đập khác trên địa bàn huyện	Huyện Thanh Thủy
2	Hồ Suối Cái, hồ Mắt Ngựa, hồ Đồng Quán, đập Phai Lang và 11 - 20 trạm bơm tưới, hồ, đập khác trên địa bàn huyện	Huyện Thanh Sơn
3	Trạm bơm Sơn Cương (Chí Tiên), hồ Trầm Sắt + Trạm bơm, hồ Dộc Đồi + Trạm bơm và 30 - 40 trạm bơm tưới, hồ, đập khác trên địa bàn huyện	Huyện Thanh Ba
4	Hồ Nhà Giặc, hồ Đá Đen và 20 - 30 trạm bơm tưới, hồ, đập khác trên địa bàn huyện	Huyện Đoan Hùng
5	Hồ Đát Dội, hồ Dộc Gạo, đập Thâm Dâu và 20 - 30 trạm bơm tưới, hồ, đập khác trên địa bàn huyện	Huyện Cẩm Khê
6	Hồ Dộc Giang, hồ Suối Dân, hồ Mu Niên và 20 - 25 trạm bơm tưới, hồ, đập khác trên địa bàn huyện	Huyện Yên Lập
7	Trạm bơm An Đạo, hồ Lăng Khung, hồ Khuân Đắc và 25 - 35 trạm bơm tưới, hồ, đập khác trên địa bàn huyện	Huyện Phù Ninh
8	Hồ Ngòi Vần, hồ Lửa Việt, hồ Hàm Kỳ và 25 - 35 trạm bơm tưới, hồ, đập khác trên địa bàn huyện	Huyện Hạ Hòa
9	Trạm bơm Bản Nguyên; Trạm bơm Vĩnh Mộ; Trạm bơm Văn Điểm; Trạm bơm Gốc Gạo, hồ Hóc Ngánh, hồ Song Diện và 10 - 20 trạm bơm tới, hồ, đập khác trên địa bàn huyện	Huyện Lâm Thao

STT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
10	Hồ Phương Thịnh, hồ Trổ Lội và 09 - 15 trạm bơm tưới, hồ, đập khác trên địa bàn huyện	Huyện Tam Nông
11	Trạm bơm tưới Dữu Lâu, đập Hóc Trai, đập Hóc Mồng và 11-15 trạm bơm tưới, hồ, đập khác trên địa bàn thành phố Việt Trì	Thành phố Việt Trì
12	Hồ Sận Hòa, hồ Nhá và 13-20 trạm bơm tưới, hồ, đập khác trên địa bàn huyện Tân Sơn	Huyện Tân Sơn
13	Trạm bơm Diên Hồng, 06-15 trạm bơm tưới, hồ, đập trên địa bàn thị xã Phú Thọ	Thị xã Phú Thọ
14	Kiên cố hóa 1.000 km kênh mương trên địa bàn các huyện	Các huyện trên địa bàn tỉnh
II	**Công trình tiêu**	
1	Trạm bơm tưới, tiêu Tình Cương; Trạm bơm tưới, tiêu Hiền Đa; Hệ thống tiêu Ngòi Cỏ	Huyện Cẩm Khê
2	Trạm bơm tưới, tiêu Minh Nông và Tuyến kênh tiêu Cầu Gần, thành phố Việt Trì	Thành phố Việt Trì
3	Trạm bơm tiêu Lò Lợn	Thị xã Phú Thọ
4	Hệ thống tiêu Dậu Dương - Hương Nộn; Hệ thống tiêu Hiền Quan - Vực Trường; Hệ thống tiêu Tam Cường; Hệ thống tiêu Cầu Trắng trạm bơm tiêu Hiền Quan	Huyện Tam Nông
5	Hệ thống tiêu Hoàng Hanh, Hệ thống Ngòi Trang; Hệ thống Ngòi Hiêng; Hệ thống tiêu Ngòi Mỹ - Ngòi Kẹn, trạm bơm tiêu Ngòi Mỹ	Huyện Hạ Hòa
6	Trạm bơm tưới, tiêu Hoàng Hanh; Trạm bơm tưới, tiêu Lận Dương (Yên Khê)	Huyện Thanh Ba
7	Ngòi tiêu Vĩnh Mộ và Hệ thống tiêu Lò Lợn	Huyện Lâm Thao; Thị xã Phú Thọ
8	Ngòi tiêu Đoan Hạ; Ngòi tiêu Bảo Yên	Huyện Thanh Thủy

STT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
B	**Công trình xây dựng mới**	
I	**Công trình tưới**	
1	Hồ Thục Luyện, Hồ Dớn, Cụm công trình thủy lợi cho các xã Yên Lương, Yên Sơn, Hương Cần, Yên Lãng	Các huyện Thanh Sơn, Yên Lập, Tam Nông
2	Hệ thống kênh mương hồ Ngòi Giành	Các huyện: Yên Lập, Cẩm Khê, Tam Nông
3	Mở rộng hệ thống đường ống đập Ngòi Lao để cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp	Các huyện: Yên Lập, Hạ Hòa, Cẩm Khê
4	Xây dựng hệ thống đường ống dẫn nước từ các hồ chứa (Phượng Mao, Suối Rồng - huyện Thanh Thủy; Khoang Tải, Tải Giang, Đá Mài, Suối Đúng, hồ Củ - huyện Thanh Sơn; hồ Xuân Sơn - huyện Tân Sơn)	Các huyện: Thanh Thủy, Thanh Sơn, Tân Sơn
5	Hồ Đát, Hồ Sống Châu và Dự án xây dựng mô hình mẫu tưới tiêu hiện đại và tiết kiệm nước huyện Yên Lập (gồm đập Lóng, Đập Đảng, Đập Làng, Đập Lóng, Cả và Đồng Trũng, Vông 2)	Huyện Yên Lập
6	Đập Thu Cúc, Hồ Cọ Sơn, Đập Lai Đồng, Đập Đồng Trên và trạm bơm Đồng Cả (Đập chuối), trạm bơm Xóm Dụ (Đập chuối), trạm bơm Lai Đồng, trạm bơm xóm Mu, trạm bơm khu Ú	Huyện Tân Sơn
7	Đập Bóng Ngâm, Đập Gò Môm	Huyện Hạ Hòa
8	Đập Đầu Cầu, Đập Nhà A	Huyện Tam Nông
9	Trạm bơm Hùng Xuyên	Huyện Đoan Hùng
10	Trạm bơm Đồng Phiến + Đồng Thần, trạm bơm Đồng Lác - Xi Chòm	Huyện Cẩm Khê
11	Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho một số khu vực canh tác cây trồng chủ lực, thế mạnh, tập trung	Các huyện

STT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
II	**Công trình tiêu**	
1	Trạm bơm tiêu Cầu Gần, công suất 5.000 m^3/h	Huyện Phù Ninh, Thành phố Việt Trì
2	10-20 công trình tiêu trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã	Các huyện, thành phố, thị xã
III	**Công trình nuôi trồng thủy sản tập trung**	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản Thanh Xá; Yên Nội; Đồng Trắng	Huyện Thanh Ba
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản Đồng Dùng - Văn Lung	Thị xã Phú Thọ

Ghi chú: *Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư./.*

Phụ lục X

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH TỈNH PHÚ THỌ THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Các nhà máy nước	Số lượng công trình dự kiến
I	**CẢI TẠO, NÂNG CẤP**	
1	Mở rộng công trình thuộc địa bàn các huyện: Thanh Ba, Cẩm Khê, Hạ Hòa, Yên Lập, Lâm Thao, Đoan Hùng, Thanh Sơn, Tân Sơn;	11
2	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước	25
3	Kết nối khách hàng đối với các công trình sẵn có	06
II	**XÂY DỰNG MỚI**	
	Xây dựng mới các công trình thuộc địa bàn các huyện: Hạ Hòa, Cẩm Khê, Đoan Hùng, Phù Ninh;	05-10

Ghi chú: *Vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng của các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.*

Phụ lục XI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI TỈNH PHÚ THỌ THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Các khu xử lý	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Công suất dự kiến	Công nghệ xử lý (dự kiến)
A	**Khu xử lý rác thải**				
1	Khu xử lý CTR sinh hoạt Trạm Thản	Xã Trạm Thản, huyện Phù Ninh	37,38	1.220 tấn/ngày	Đốt, sản xuất phân hữu cơ Tái chế vật liệu Đốt rác phát điện Chôn lấp hợp vệ sinh
2	Khu xử lý CTR công nghiệp thông thường	Xã Trạm Thản, huyện Phù Ninh	23,8	1.000 tấn/ngày	Công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh và đốt
3	Khu xử lý CTR y tế nguy hại	Xã Trạm Thản, huyện Phù Ninh	1,0	10 tấn/ngày	Đốt áp suất âm không khói
4	Khu xử lý CTR công nghiệp nguy hại		5	40.000 tấn/năm	Đốt
5	Điểm tập trung CTR tại các huyện, thị xã, thành phố	Các huyện, thị xã, thành phố	70-150		Tập trung CTR
B	**Khu xử lý nước thải sinh hoạt**				
1	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt thành phố Việt Trì - TP1	Thành phố Việt Trì			Xử lý nước sinh hoạt

STT	Các khu xử lý	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Công suất dự kiến	Công nghệ xử lý (dự kiến)
2	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt thành phố Việt Trì - TP2	Thành phố Việt Trì			Xử lý nước sinh hoạt
3	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt thị xã Phú Thọ	Thị xã Phú Thọ			Xử lý nước sinh hoạt

Ghi chú:

- Hằng năm, căn cứ tình hình phát triển công nghiệp, đô thị, tình hình thực tế cơ quan chuyên môn nghiên cứu đề xuất bổ sung số điểm quan trắc, tần suất, thông số quan trắc tại các khu vực chịu tác động bởi công nghiệp, thương mại, dịch vụ, làng nghề, quan trắc môi trường nền theo quy định pháp luật. Công nghệ xử lý rác thải có thể bằng hoặc cao hơn công nghệ xử lý dự kiến.

- Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.

Phụ lục XII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TỈNH PHÚ THỌ THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng XII.1: Số lượng các trường phổ thông và Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

STT	Chỉ tiêu	Số cơ sở dự kiến
I	**Tổng số**	**313**
-	Công lập	294
-	Ngoài công lập	19
1	**Trung học cơ sở**	**246**
-	Công lập	244
-	Ngoài công lập	2
2	**Trung học phổ thông**	**53**
-	Công lập	36
-	Ngoài công lập	17
3	**Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên**	**13**

Bảng XII.2: Khối các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp

STT	Danh mục	Số cơ sở/loại hình dự kiến
I	**Số cơ sở duy trì hoạt động**	
1	**Cơ sở giáo dục đại học**	**2**
2	**Cao đẳng**	**7**
-	*Trường công lập*	*6*
-	*Trường tư thục*	*1*
3	**Trung cấp**	**3**
-	*Trường công lập*	*2*

STT	Danh mục	Số cơ sở/loại hình dự kiến
-	*Trường đầu tư nước ngoài*	*1*
4	**Trung tâm giáo dục nghề nghiệp**	**18**
-	*Trường công lập*	*15*
-	*Trường tư thục*	*3*
5	**Các cơ sở khác có tham gia đào tạo nghề nghiệp**	11
-	*Trường công lập*	*8*
-	*Trường tư thục*	*3*
II	**Số cơ sở nâng cấp, sáp nhập**	**2**
1	**Cao đẳng**	**1**
-	Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ*	Công lập
2	**Trung cấp**	**1**
-	Trường Trung cấp Kỹ Thuật và Nghiệp vụ Sông Hồng **	Công lập
III	**Số cơ sở dừng hoạt động, giải thể**	**3**
1	Trường Trung cấp nghề Bách khoa Phú Thọ ***	Tư thục
2	Trường Trung cấp nghề Công nghệ du lịch và dịch vụ Phú Nam***	Tư thục

Ghi chú:

(*) Đến năm 2025: Chuyển thành Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược

Đến năm 2030: Chuyển thành Trường Đại học Y Phú Thọ

(**) Đến năm 2025: UBND tỉnh quản lý và sáp nhập với Trường Cao đẳng nghề Phú Thọ

(***) Đến năm 2025: Dừng hoạt động

Phụ lục XIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng XIII.1: Phương án phát triển bệnh viện và giường bệnh

STT	Bệnh viện	Dự kiến quy hoạch đến năm 2030	
		Giường bệnh	Hạng Bệnh viện
I	**Giường bệnh công lập**	***10.360***	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	2.000	Đặc biệt
2	Bệnh viện Sản - Nhi	560	Đặc biệt
3	Bệnh viện Mắt	150	II
4	Bệnh viện Y học dân tộc (Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng)	500	II
5	Bệnh viện Phổi	170	II
6	Bệnh viện Tâm thần	170	II
7	Bệnh viện Tim mạch	300	II
8	Bệnh viện Ung bướu	500	II
9	Bệnh viện Lão Khoa	300	II
10	Bệnh viện Đa khoa Thị xã Phú Thọ	600	I
11	Trung tâm y tế các huyện, thành, thị	5.110	I-II
II	**Giường trong các bệnh viện tư nhân**	***900***	
III	**Tổng giường bệnh toàn tỉnh (I + II)**	**11.210**	
IV	**Số giường bệnh/10.000 dân**	57	

Bảng XIII.2: Phương án mở rộng, quy hoạch mới các cơ sở y tế công lập đến năm 2030

STT	Tên đơn vị	Quy mô giường bệnh dự kiến	Địa điểm dự kiến
I	**Mở rộng quy mô tại vị trí hiện có**		
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ (Trong đó sáp nhập Bệnh viện Xây dựng Việt Trì thành cơ sở 2)[3]	2.000	Thành phố Việt Trì
2	Bệnh viện Mắt	150	
3	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	500	
4	Bệnh viện Tâm thần	200	Thị xã Phú Thọ
5	Bệnh viện Phổi	200	
6	Bệnh viện đa khoa thị xã	600	
7	Trung tâm y tế các huyện, thành, thị	300 - 600	Các huyện, thành, thị
II	**Thành lập mới**		
1	Bệnh viện Lão khoa	300	Các huyện, thành, thị
2	Bệnh viện Tim mạch	500	
3	Bệnh viện Ung Bướu	1.000	
4	Bệnh viện chấn thương chỉnh hình	200	

[3] Bệnh viện Xây dựng Việt Trì chuyển về Ủy ban nhân tỉnh Phú Thọ quản lý theo Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, theo hướng sáp nhập vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ.

Bảng XIII.3: Phương án mở rộng, quy hoạch mới cơ sở y tế ngoài công lập đến năm 2030

STT	Tên đơn vị	Địa điểm dự kiến
	Tổng số	
I	**Quy hoạch mở rộng**	
	Bệnh viện Đa khoa Hùng Vương	Huyện Đoan Hùng
II	**Quy hoạch mới**	
1	Bệnh viện Đa khoa Việt Đức	Thành phố Việt Trì
2	Bệnh viện phục hồi chức năng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	Thành phố Việt Trì
3	Trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	Huyện Thanh Thủy
4	Trung tâm điều dưỡng chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	Huyện Phù Ninh
5	Trung tâm chăm sóc sức khỏe phục hồi chức năng	Huyện Đoan Hùng
6	Bệnh viện đa khoa tư nhân	Huyện Thanh Thủy
7	Bệnh viện đa khoa tư nhân	Thị xã Phú Thọ
8	Bệnh viện đa khoa tư nhân	Thành phố Việt Trì
9	Cơ sở sản xuất thuốc tân dược	01 cơ sở/Thị xã Phú Thọ
10	Cơ sở sản xuất thuốc đông dược	02 cơ sở/huyện Tam Nông, huyện Thanh Sơn
11	Nhà máy sản xuất vật tư y tế	01 cơ sở/thị xã Phú Thọ
12	Nhà máy sản xuất chế biến Dược liệu	02 cơ sở/huyện Yên Lập, huyện Tam Nông

Ghi chú: *Tên, vị trí, quy mô, diện tích của các công trình sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch, kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án./.*

Phụ lục XIV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỂ THAO TỈNH PHÚ THỌ THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục	Số lượng dự kiến	Địa điểm dự kiến
I	**DI TÍCH**		
1	**Di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh**	4	
1.1	Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại đã được UNESCO ghi danh	4	
-	Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ	1	Thành phố Việt Trì và các huyện thành phố, thị xã
-	Hát Xoan Phú Thọ	1	Thành phố Việt Trì
1.2	Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại quy hoạch mới		
-	Ca trù	1	Thành phố Việt Trì
-	Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt	1	Thành phố Việt Trì, huyện Lâm Thao
1.3	Lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể Mo Mường trình tổ chức UNESCO ghi danh trong danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp (phối hợp với tỉnh Hòa Bình)	1	Huyện Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập
1.4	Lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể nghệ thuật Hát Chèo trình tổ chức UNESCO ghi danh trong danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (phối hợp với tỉnh Thái Bình)	1	Huyện Tam Nông

STT	Danh mục	Số lượng dự kiến	Địa điểm dự kiến
2	**Di tích quốc gia đặc biệt**		
2.1	Di tích quốc gia đặc biệt đã được công nhận	1	
	Di tích Lịch sử Quốc gia đặc biệt Đền Hùng	1	Thành phố Việt Trì
2.2	Di tích quốc gia đặc biệt quy hoạch mới	5	Các huyện, thành phố, thị xã
3	**Di tích cấp quốc gia**		
3.1	Di tích cấp quốc gia đã được công nhận	73	
3.2	Di tích cấp quốc gia quy hoạch mới	5	
4	**Di tích cấp tỉnh**		
4.1	Di tích cấp tỉnh đã được công nhận	249	
4.2	Di tích cấp tỉnh quy hoạch mới	10	
5	**Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia**		
5.1	Di sản văn hóa phi vật thể đã được công nhận	14	
5.2	Di sản văn hóa phi vật thể quy hoạch mới	7-10	
II	**THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO CẤP TỈNH**		
1	**Thiết chế văn hóa, thể thao đề nghị điều chỉnh, mở rộng**	**16**	
2	**Thiết chế văn hóa, thể thao quy hoạch mới**		
2.1	Trung tâm văn hóa nghệ thuật tỉnh Phú Thọ	1	Thành phố Việt Trì
2.2	Trung tâm triển lãm nghệ thuật cấp tỉnh	1	Thành phố Việt Trì
2.3	Trung tâm thể thao văn hóa cộng đồng		Các huyện, thành phố, thị xã

Ghi chú: *Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư./.*

Phụ lục XV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN SÂN GÔN TỈNH PHÚ THỌ THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến
1	Khu đô thị sinh thái, thể thao Việt Trì	Thành phố Việt Trì
2	Khu đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng và Sân gôn Tam Nông (Phân khu Sân gôn Tam Nông 1, Phân khu Sân gôn Tam Nông 2)	Huyện Tam Nông
3	Khu dịch vụ đô thị, văn hóa - thể thao và sân gôn Ao Châu	Huyện Hạ Hòa
4	Khu dân cư nông thôn mới, biệt thự nghỉ dưỡng, nông nghiệp kết hợp giáo dục trải nghiệm và sân gôn Thanh Sơn	Huyện Thanh Sơn
5	Khu dân cư nông thôn mới kết hợp sinh thái nghỉ dưỡng và sân gôn Vô Tranh	Huyện Hạ Hòa
6	Khu dân cư nông thôn mới kết hợp sinh thái nghỉ dưỡng và sân gôn Hàm Kỳ	Huyện Hạ Hòa
7	Khu du lịch, dịch vụ thể thao và nhà ở sinh thái Ao Giời - Suối Tiên	Huyện Hạ Hòa
8	Khu dân cư nông thôn mới kết hợp sinh thái nghỉ dưỡng và sân gôn tại xã Vạn Xuân, xã Thọ Văn và xã Hương Nộn	Huyện Tam Nông
9	Khu dân cư nông thôn mới kết hợp dịch vụ nghỉ dưỡng và sân gôn Tinh Nhuệ	Huyện Thanh Sơn
10	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng và sân gôn Sơn Hùng	Huyện Thanh Sơn và huyện Tam Nông
11	Khu dân cư nông thôn mới, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng và dịch vụ thể thao	Huyện Thanh Thủy và huyện Thanh Sơn

TT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến
12	Khu phức hợp đô thị nghỉ dưỡng và sân gôn Phượng Mao	Huyện Thanh Sơn
13	Sân gôn 18 hố kết hợp biệt thự sinh thái, nghỉ dưỡng Vườn Vua	Huyện Thanh Thủy và huyện Thanh Sơn
14	Khu dân cư nông thôn mới kết hợp du lịch sinh thái và thể thao Cẩm Khê	Huyện Cẩm Khê
15	Khu phức hợp đô thị nghỉ dưỡng sinh thái và sân gôn huyện Cẩm Khê	Huyện Cẩm Khê
16	Khu phức hợp đô thị nghỉ dưỡng sinh thái và sân gôn Phù Ninh	Huyện Phù Ninh và Thành phố Việt Trì
17	Khu du lịch lễ hội, văn hóa, thể thao và đô thị sinh thái tại khu vực Đền Hùng	Thành phố Việt Trì, huyện Lâm Thao, huyện Phù Ninh

Ghi chú:

- Tên công trình, dự án được tạm thời xác định tại thời điểm lập quy hoạch; tên cụ thể, chính xác sẽ được xác định trong quá trình lập, phê duyệt chủ trương đầu tư;

- Các sân gôn thứ tự từ 5-17 trong danh sách được thực hiện khi được bố trí đất và điều chỉnh Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về chỉ tiêu đất thể dục thể thao cho tỉnh Phú Thọ;

- Các dự án sân gôn bao gồm các dự án hỗn hợp về du lịch, dịch vụ, đô thị, văn hóa, thể thao;

- Quy mô, diện tích sử dụng đất và điều kiện thành lập trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư;

- Khu đô thị nghỉ dưỡng sinh thái, biệt thự nghỉ dưỡng giao đất 50 năm (không phải là khu đô thị, không giao đất ở cho nhà đầu tư và người mua biệt thự nghỉ dưỡng);

- Các dự án sân gôn phải phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 3 và đáp ứng điều kiện về sử dụng đất theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ./.

Phụ lục XVI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CHỢ, SIÊU THỊ, TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VÀ KHO XĂNG DẦU, TRẠM CHIẾT NẠP KHÍ TỈNH PHÚ THỌ THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng XVI.1: Mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Quy hoạch đến năm 2030 (dự kiến)											
		Mạng lưới chợ				Mạng lưới siêu thị				Mạng lưới trung tâm thương mại			
		Tổng	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3	Tổng	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3	Tổng	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3
1	Đoan Hùng	**22**	0	1	21	**3**	0	1	2	**1**	0	0	1
2	Hạ Hòa	**20**	0	1	19	**5**	0	2	3	**2**	0	1	1
3	Phù Ninh	**17**	0	1	16	**3**	0	1	2	**1**	0	0	1
4	Tam Nông	**12**	0	1	11	**5**	0	2	3	**2**	0	0	2
5	Tân Sơn	**17**	0	1	16	**2**	0	1	1	**1**	0	0	1
6	Thanh Ba	**19**	0	1	18	**5**	0	2	3	**2**	0	1	1
7	Thanh Sơn	**23**	0	1	22	**3**	0	1	2	**1**	0	0	1
8	Thanh Thủy	**11**	0	2	9	**3**	0	1	2	**1**	0	0	1
9	Việt Trì	**22**	2	3	17	**10**	3	4	3	**5**	1	2	2
10	Phú Thọ	**9**	1	1	7	**6**	1	2	3	**3**	1	1	1
11	Yên Lập	**17**	0	1	16	**2**	0	1	1	**1**	0	0	1
12	Cẩm Khê	**24**	0	1	23	**5**	0	2	3	**2**	0	1	1
13	Lâm Thao	**12**	0	1	11	**4**	0	2	2	**1**	0	0	1
	Tổng	**225**	**3**	**16**	**206**	**56**	**4**	**22**	**30**	**23**	**2**	**6**	**15**

Bảng XVI.2: Kho xăng dầu, trạm chiết nạp khí

STT	Tên kho, trạm nạp	Địa điểm dự kiến	Sức chứa dự kiến (m^3)	Hiện trạng (m^3)
A	Giữ và phát triển các kho xăng dầu hiện có			

STT	Tên kho, trạm nạp	Địa điểm dự kiến	Sức chứa dự kiến (m^3)	Hiện trạng (m^3)
1	Kho xăng dầu Phủ Đức	TP. Việt Trì	6.800	Đang hoạt động
2	Kho xăng dầu Bến Gót	TP. Việt Trì	20.000	8.000
3	Kho xăng dầu Phú Thọ (CCN Bạch Hạc)	TP. Việt Trì	4.950	1.950
4	Kho xăng dầu Hải Linh	TP. Việt Trì	14.000	Đang hoạt động
B	Giữ và phát triển các Trạm chiết nạp khí hiện có			
1	Trạm nạp khí LPG - Lâm Thao	CCN Hợp Hải, Huyện Lâm Thao	90	Đang hoạt động
2	Trạm nạp LPG - Hải Linh	TP Việt Trì	644	Đang hoạt động
3	Trạm nạp LPG Việt Trì	CCN Thụy Vân, TP Việt Trì	160	Đang hoạt động
4	Trạm nạp LPG Thanh Ba	Huyện Thanh Ba	190	Đang đầu tư xây dựng

Ghi chú:

- Về kho xăng dầu: Cải tạo, nâng cấp các kho xăng dầu hiện có với dung tích phù hợp với tình hình phát triển kinh tế (nâng tổng sức chứa các kho xăng dầu trên địa bàn tỉnh khoảng 55.000m^3);

- Về trạm nạp khí: Cải tạo, nâng cấp các Trạm nạp hiện có và đang đầu tư, phát triển thêm 2-4 trạm nạp khí trên địa bàn tỉnh tại các địa phương phù hợp cho phát triển kinh tế và nhu cầu thị trường. Đến năm 2030 tổng sức chứa các trạm nạp khí trên địa bàn tỉnh khoảng 2.742 m^3.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư./.

Phụ lục XVII

CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH PHÚ THỌ THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg (ha)	Dự kiến quy hoạch đến năm 2030	
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
I	**Loại đất**				
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**281.784**	**279.034**	**78,94**
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	40.035	39.595	11,20
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*28.730*	28.730	8,13
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN		57.072	16,15
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	27.351	27.351	7,74
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	13.861	13.861	3,92
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	113.088	111.888	31,66
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	*35.120*	11.166	3,16
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**70.734**	**73.484**	20,79
	Trong đó:				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	3.504	3.504	0,99
2.2	Đất an ninh	CAN	1.199	1.199	0,34
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	2.485	5.095	1,44
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		2.344	0,66
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		1.278	0,36
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		1.628	0,46

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ theo Quyết định số 326/ QĐ-TTg (ha)	Dự kiến quy hoạch đến năm 2030	
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		1.206	0,34
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia	DHT	24.021	24.021	6,80
	Trong đó:				
-	Đất giao thông	DGT	17.083	17.083	4,83
-	Đất thủy lợi	DTL		4.163	1,18
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	222	222	0,06
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	179	179	0,05
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	1.092	1.092	0,31
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	505	1.200	0,34
-	Đất công trình năng lượng	DNL	556	556	0,16
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	53	53	0,01
2.9	Đất cơ sở tôn giáo	TON		218	0,06
2.10	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD		1.696	0,48
2.11	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	9	9	
2.12	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	342	342	0,10
2.13	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	242	242	0,07

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ theo Quyết định số 326/ QĐ-TTg (ha)	Dự kiến quy hoạch đến năm 2030	
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.14	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.15	Đất ở tại nông thôn	ONT		11.291	3,19
2.16	Đất ở tại đô thị	ODT		2.374	0,67
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC		299	0,08
2.18	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		86	0,02
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**938**	**938**	**0,27**
II	**Khu chức năng**				
1	**Đất khu kinh tế**			**0**	**0**
2	**Đất khu công nghệ cao**			**0**	**0**
3	**Đất đô thị**		**30.857**	**53.536**	**15,15**

Ghi chú: *Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã phân bổ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền./.*

Phụ lục XVIII

PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên vùng/tiểu vùng	Ký hiệu
I	***Vùng bảo vệ nghiêm ngặt***	***C***
1	Khu dân cư tập trung của đô thị cấp I, II, III	C1
2	Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt	C2
3	Khu bảo tồn thiên nhiên và di sản thiên nhiên	C3
4	Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa	C4
II	***Vùng hạn chế phát thải***	***R***
1	Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt	R1
2	Vùng đất ngập nước quan trọng	R2
3	Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt	R3
4	Khu dân cư tập trung của đô thị cấp IV, V	R4
5	Khu vui chơi giải trí dưới nước	R5
III	***Vùng khác***	***D***
	Các khu vực khác	D

Phụ lục XIX

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Huyện/thị	Môi trường nước nội đồng	Môi trường nước sông	Môi trường nước dưới đất	Môi trường đất	Môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn
Thành phố Việt Trì	10	11	9	7	27
Huyện Phù Ninh	8	6	9	6	20
Huyện Đoan Hùng	4	6	2	3	6
Huyện Lâm Thao	8	4	6	5	17
Thị xã Phú Thọ	4	4	6	4	11
Huyện Hạ HÒA	6	4	5	3	7
Huyện Thanh Ba	5	3	4	2	9
Huyện Cẩm Khê	4	4	2	4	8
Huyện Yên Lập	4	0	3	2	9
Huyện Tam Nông	5	7	2	3	9
Huyện Thanh Thủy	3	2	3	2	6
Huyện Thanh Sơn	5	3	4	4	6
Huyện Tân Sơn	2	1	1	3	6
Tổng	**68**	**55**	**56**	**48**	**141**

Phụ lục XX

PHƯƠNG ÁN THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN TỈNH PHÚ THỌ THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Quy hoạch	Số điểm mỏ dự kiến (tối thiểu*)
1	Quặng sắt	10
2	Cao lanh - Felspat	16
3	Talc-dolomit	9
4	Serpentin	1
5	Barit	1
6	Nước khoáng - nóng	2
7	Đá xây dựng	32
8	Sét gạch ngói	36
9	Cát sỏi	84
10	Than bùn	4
11	Đất san lấp, đắp nền	149

**** Ghi chú:***

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ rà soát, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy hoạch, quy định khác có liên quan; bảo đảm không chồng lấn với khu vực khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền cấp phép; thực hiện điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các điểm mỏ (nếu cần) cho phù hợp với thực tiễn và các quy định có liên quan.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, đối với các điểm mỏ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh sẽ do UBND tỉnh căn cứ phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan, rà soát và tự điều chỉnh số lượng, ranh giới, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) để đảm bảo phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định hiện hành. Số lượng các điểm mỏ tiếp tục được cập nhật, bổ sung trong Kế hoạch thực hiện quy hoạch. Đối với các điểm mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của các Bộ, sẽ căn cứ các Quy hoạch do Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng lập và được cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai, thực hiện. Đối với các mỏ đã được cấp phép thì tiếp tục thực hiện theo giấy phép, khi hết hạn giấy phép thì xem xét cấp lại hoặc đóng cửa mỏ theo luật khoáng sản hiện hành./.

Phụ lục XXI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CÔNG TRÌNH ĐÊ ĐIỀU, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TỈNH PHÚ THỌ THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
A	**Các công trình đê**	
I	**Các công trình cải tạo, nâng cấp**	
1	Cải tạo, nâng cấp Tuyến đê tả Thao, tả ngòi Vần, cứng hóa đê bối Liên Phương, Đan Thượng thuộc địa bàn huyện Hạ Hòa	Huyện Hạ Hòa
2	Cải tạo, gia cố và nâng cấp tuyến đê tả sông Thao thuộc địa bàn huyện Lâm Thao, thị xã Phú Thọ	Huyện Lâm Thao, Thị xã Phú Thọ
3	Tuyến đê Đông Nam Việt Trì, thuộc địa bàn thành phố Việt Trì*	Thành phố Việt Trì
4	Tuyến đê tả, hữu ngòi Vĩnh Mộ, thuộc địa bàn huyện Lâm Thao và thành Phố Việt Trì	Huyện Lâm Thao và Thành phố Việt Trì
5	Nâng cấp, mở rộng mặt đê tả, Hữu Thao	Huyện Tam Nông, Thanh Ba, Thị xã Phú Thọ
6	Tuyến đê tả, hữu ngòi Me, ngòi Cỏ thuộc địa bàn huyện Cẩm Khê	Huyện Cẩm Khê
7	Tuyến đê tả, hữu ngòi Giành thuộc địa bàn huyện Cẩm Khê, Hạ Hòa	Huyện cẩm Khê, Hạ Hòa
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê bối Hồng Đà, xã Dân Quyền; đê hữu sông Bứa.	Huyện Tam Nông
9	Nâng cấp, mở rộng 02 bên bờ tả, hữu tuyến đê bao Hoàng Hanh và Đầm Chính Công	Huyện Thanh Ba, Hạ Hòa
10	Cải tạo nâng cấp đê Tả, hữu Ngòi Lạt kết hợp đường tránh lũ và sơ tán dân, huyện Thanh Thủy và Thanh Sơn	Huyện Thanh Sơn, Thanh Thủy

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
11	Cải tạo, nâng cấp đê hữu sông Chảy, huyện Đoan Hùng	Huyện Đoan Hùng
12	Các công trình đê khác trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố (theo yêu cầu thực tế)	Các huyện, thị xã, thành phố
II	**Các công trình mới**	
1	Tuyến đê từ K59,8 - K64 đê tả Thao	Thị xã Phú Thọ
2	Các công trình đê khác trên địa bàn các huyện, thành, thị (theo yêu cầu thực tế)	Các huyện, thành, thị
3	Xử lý sạt lở bờ, vở sông đê tả, hữu các sông Thao, sông Lô, sông Đà, sông Chảy, sông Bứa	Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và các huyện Hạ Hòa, Cẩm Khê, Thanh Ba, Tam Nông, Phù Ninh, Lâm Thao, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Đoan Hùng
4	Xử lý sạt lở bờ các ngòi: ngòi Vần, ngòi Lao, ngòi Giành, ngòi Me, ngòi Lạt, ngòi Cái, ngòi Vĩnh Mộ và một số ngòi khác	Các huyện, thành, thị
5	Duy tu, sửa chữa thường xuyên các công trình đê, kè, cống các tuyến đê cấp I-V	Trên địa bàn tỉnh
6	Xử lý khẩn cấp các sự cố công trình đê điều	Trên địa bàn tỉnh
B	**Các công trình đầu tư, nâng cấp nhằm di dân, tái định cư vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai (xây mới, cải tạo, nâng cấp)**	
1	Xây dựng khu tái định cư để di dời các hộ dân nằm trong vùng thiên tai Liên An, xã Mỹ Lương và các vùng nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất huyện Yên Lập	Huyện Yên Lập
2	Xây dựng khu tái định cư để di dời các hộ dân nằm trong vùng thiên tai điểm Suối Nhạ, khu	Huyện Tân Sơn

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
	Hòa (xã Tân Sơn), khu Dù (xã Xuân Sơn), xóm Nhàng (xã Kim Thượng) và các vùng nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất huyện Tân Sơn	
3	Khu tái định cư xóm Xẻ 1 - Tam Văn, xã Văn Miếu, huyện Thanh Sơn và các vùng nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất huyện Thanh Sơn	Huyện Thanh Sơn
4	Xây dựng khu tái định cư để di dời các hộ dân nằm trong vùng nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất huyện các huyện còn lại	Huyện Hạ Hòa, Đoan Hùng, Thanh Ba, Cẩm Khê, Tam Nông, Thanh Thủy,…
C	**Phương án sử dụng bãi sông**	
1	80 khu dân cư tập trung hiện có nằm ngoài bãi sông được tồn tại, bảo vệ	Trên địa bàn tỉnh
2	15 khu dân cư tập trung hiện có nằm ngoài bãi sông xem xét phải di dời	Trên địa bàn tỉnh
3	14 khu vực bãi sông nghiên cứu xây dựng	Trên địa bàn tỉnh

Ghi chú:

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ rà soát, bảo đảm phù hợp với các quy hoạch phòng, chống lũ và quy hoạch đê điều được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Vị trí, quy mô, diện tích sử dụng đất của các công trình, dự án được tính toán, lựa chọn căn cứ vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn vốn đầu tư từng giai đoạn và xác định cụ thể trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư.

(*) Thực hiện theo nội dung phụ lục VI, Quyết định 257/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đê điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình./.

Phụ lục XXII

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN TỈNH PHÚ THỌ THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
I	**Dự án của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương**	
1	**Giao thông**	
1.1	Các dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Nam phía Tây: Đoạn Tuyên Quang - Phú Thọ quy mô 4 làn xe; đoạn Phú Thọ - Ba Vì quy mô 4-6 làn xe	X
1.2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến Quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
1.3	Đầu tư, cải tạo, nâng cấp và xây dựng một số đoạn tránh qua các đô thị, khu đông dân cư các tuyến Quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
1.4	Nạo vét, khơi thông luồng lạch và thanh thải đá ngầm trên các tuyến sông Đà, sông Lô, sông Hồng...	
1.5	Nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Hồng, sông Lô, sông Đà,...	
1.6	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng vận tải tuyến đường sắt tuyến Hà Nội - Lào Cai	X
1.7	Xây dựng một số cầu lớn qua sông Lô, sông Hồng, sông Đà, sông Chảy nhằm kết nối các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh: cầu Đoan Hùng qua sông Chảy, cầu Phong Châu mới trên QL.32C qua sông Hồng...	X

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
1.8	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối giữa cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ với cao tốc Nội Bài - Lào Cai tại nút giao IC9	X
1.9	Các dự án khác của Bộ, ngành, cơ quan trung ương	X
2	**Thủy lợi**	
2.1	Hệ thống kênh mương hồ ngòi Giành	X
2.2	Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê Trung ương trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
2.3	Dự án Hồ chứa nước Thục Luyện, huyện Thanh Sơn	X
2.4	Dự án Kè bảo vệ bờ tả sông Thao đoạn từ thị trấn Hạ Hòa đến xã Lang Sơn, huyện Hạ Hòa	X
2.5	Các dự án khác của Bộ, ngành, cơ quan trung ương	X
3	**An ninh - Quốc phòng**	
3.1	Đầu tư phát triển mạng lưới doanh trại, trụ sở cảnh sát PCCC và CNCH giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
3.2	Đầu tư xây dựng các kho dự trữ Quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
3.3	Đầu tư xây dựng mới trụ sở; cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc cũ; đầu tư trang thiết bị, vũ khí, công cụ hỗ trợ cho công an xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
3.4	Đầu tư xây dựng các công trình quân sự phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ, công trình quân sự lưỡng dụng, công trình quân sự đa mục tiêu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
3.5	Các dự án khác của Bộ, ngành, cơ quan trung ương	X

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
4	**Năng lượng - Điện**	
4.1	Xây dựng các trạm 220 KV, 110 KV và các trạm biến áp phân phối trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
4.2	Xây dựng các đường dây hạ áp, trung áp tại các điểm đấu nối, nhánh rẽ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
4.3	Các dự án khác của Bộ, ngành, cơ quan trung ương	X
5	**Giáo dục và Đào tạo**	
5.1	Đầu tư cơ sở vật chất Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	X
5.2	Các dự án khác của Bộ, ngành, cơ quan trung ương	X
6	**Các dự án của Bộ, ngành, cơ quan trung ương trong các ngành, lĩnh vực khác**	
II	**Dự án địa phương quản lý**	
1	**Lĩnh vực hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030**	
1.1	Khu công nghiệp Tam Nông	X
1.2	Khu công nghiệp Hạ Hòa	X
1.3	Khu công nghiệp Đoan Hùng	X
1.4	Khu công nghiệp Phù Ninh	X
1.5	Khu công nghiệp Thanh Ba	X
1.6	Khu công nghiệp Trung Hà II	X
1.7	Khu công nghiệp Bắc Sơn	X
1.8	Khu công nghiệp Đồng Lương	X
1.9	Khu công nghiệp Võ Miếu	X

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
1.10	Các dự án hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp khác	
2	**Lĩnh vực công nghiệp**	
2.1	Dự án sản xuất thiết bị điện công nghiệp	X
2.2	Dự án nhà máy sản xuất phụ tùng, linh kiện, lắp ráp ô tô, xe máy	X
2.3	Dự án nhà máy sản xuất máy công cụ, xe cơ giới nhỏ phục vụ nông nghiệp	X
2.4	Dự án sản xuất nhựa và cơ khí xe máy, cơ khí dệt may	X
2.5	Dự án sản xuất phần mềm chất lượng cao	X
2.6	Dự án sản xuất linh kiện điện, điện tử và lắp ráp điện dân dụng	X
2.7	Dự án sản xuất thiết bị điện lạnh	X
2.8	Dự án sản xuất chế biến gỗ MDF, HDF sản xuất đồ gỗ nội thất	X
2.9	Dự án sản xuất thuốc tân dược	X
2.10	Dự án sản xuất nhựa trang trí nội thất và ống nước	X
2.11	Dự án sản xuất hàng tiêu dùng chất lượng cao	X
2.12	Các dự án sản xuất công nghiệp khác	X
3	**Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch, đô thị, sinh thái, sân gôn**	
3.1	Khu đô thị sinh thái và thể thao Việt Trì	X
3.2	Khu đô thị mới hai bên đường Quốc lộ 32C	X

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
3.3	Khu nhà ở đô thị tại phường Vân Phú và xã Phượng Lâu	X
3.4	Khu đô thị mới Minh Phương tại phường Minh Phương và xã Thụy Vân	X
3.5	Khu đô thị mới Sông Lô tại xã Trưng Vương và xã Sông Lô	X
3.6	Khu đô thị hai bên đường Nguyễn Tất Thành	X
3.7	Khu đô thị mới phía Tây Nam đường Phù Đổng	X
3.8	Khu đô thị mới hai bên đường Phù Đổng	X
3.9	Khu Công viên giải trí và Dịch vụ đô thị tổng hợp tại xã Sông Lô	X
3.10	Khu đô thị Lâm Thao - Việt Trì	X
3.11	Khu phức hợp đô thị nghỉ dưỡng sinh thái và sân gôn Phù Ninh	X
3.12	Khu du lịch lễ hội, văn hóa, thể thao và đô thị sinh thái tại khu vực Đền Hùng	X
3.13	Khu đô thị sinh thái trung tâm huyện Phù Ninh	X
3.14	Khu dân cư nông thôn mới tại xã Sơn Vi	X
3.15	Khu nhà ở dân cư nông thôn mới xã Phùng Nguyên	X
3.16	Khu dân cư nông thôn mới tại xã Cao Xá, xã Tứ Xã và xã Sơn Vi	X
3.17	Khu nhà ở đô thị ven hồ Đồng Nhà Dòng	X
3.18	Khu đô thị Phú Hộ	X
3.19	Khu đô thị mới tại xã Văn Lung và xã Hà Lộc	X

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
3.20	Khu đô thị Sông Hồng - Thanh Minh	X
3.21	Khu đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng và sân gôn Tam Nông (các phân khu còn lại)	X
3.22	Khu dân cư nông thôn mới kết hợp sinh thái nghỉ dưỡng và sân gôn tại xã Vạn Xuân, xã Thọ Văn và xã Hương Nộn	X
3.23	Khu dịch vụ đô thị, văn hóa - thể thao và sân gôn Ao Châu	X
3.24	Khu đô thị nghỉ dưỡng và du lịch văn hóa, sinh thái tại xã Hiền Lương	X
3.25	Khu dân cư nông thôn mới kết hợp sinh thái nghỉ dưỡng và sân gôn Vô Tranh	X
3.26	Khu dân cư nông thôn mới kết hợp sinh thái nghỉ dưỡng và sân gôn Hàm Kỳ	X
3.27	Khu du lịch, dịch vụ thể thao và nhà ở sinh thái Ao Giời - Suối Tiên	X
3.28	Khu nhà ở đô thị Thanh Ba tại thị trấn Thanh Ba và xã Đồng Xuân	X
3.29	Khu dân cư nông thôn mới tại xã Sơn Thủy và xã Bảo Yên	X
3.30	Khu đô thị mới Thanh Thủy	X
3.31	Khu nhà ở kết hợp du lịch nghỉ dưỡng cao cấp tại thị trấn Thanh Thủy và xã Bảo Yên	X
3.32	Khu du lịch nghỉ dưỡng nước khoáng nóng Thanh Thủy	X
3.33	Khu nhà ở sinh thái Tu Vũ	X

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
3.34	Khu dân cư nông thôn mới, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng và dịch vụ thể thao	X
3.35	Khu nhà ở kết hợp nghỉ dưỡng sinh thái Hồ Phượng Mao và du lịch trải nghiệm Thác Đá Mài	X
3.36	Sân gôn 18 hố kết hợp biệt thự sinh thái, nghỉ dưỡng Vườn Vua	X
3.37	Khu dân cư nông thôn mới, biệt thự nghỉ dưỡng, nông nghiệp kết hợp giáo dục trải nghiệm và sân gôn Thanh Sơn	X
3.38	Khu dân cư nông thôn mới kết hợp dịch vụ nghỉ dưỡng và sân gôn Tinh Nhuệ	X
3.39	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng và sân gôn Sơn Hùng	X
3.40	Khu phức hợp đô thị nghỉ dưỡng và sân gôn Phượng Mao	X
3.41	Khu nhà ở đô thị dọc theo tuyến đường trung tâm thị trấn Thanh Sơn	X
3.42	Khu nhà ở đô thị phía Tây Bắc thị trấn Thanh Sơn	X
3.43	Khu nhà ở đô thị Đầm Sen	X
3.44	Khu nhà ở sinh thái kết hợp du lịch nghỉ dưỡng Đồi Bông, xã Long Cốc	X
3.45	Khu nhà ở sinh thái kết hợp du lịch nghỉ dưỡng Móng Ngựa, xã Long Cốc	X
3.46	Khu sinh thái hồ Ngòi Giành	X
3.47	Khu dân cư nông thôn mới kết hợp du lịch sinh thái và thể thao Cẩm Khê	X

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
3.48	Khu phức hợp đô thị nghỉ dưỡng sinh thái và sân gôn huyện Cẩm Khê	X
3.49	Khu dân cư nông thôn mới kết hợp sinh thái hồ Đầm Đung	X
3.50	Khu sản xuất nông nghiệp tuần hoàn ứng dụng công nghệ cao	X
3.51	Xây dựng khu du lịch, nghỉ dưỡng nước khoáng nóng (huyện Thanh Thủy)	X
3.52	Đầu tư xây dựng khu đô thị, khu vui chơi giải trí, dịch vụ chất lượng cao	X
3.53	Xây dựng khu du lịch dịch vụ kết hợp trải nghiệm trên địa bàn tỉnh	X
3.54	Xây dựng khu du lịch cộng động, du lịch sinh thái, du lịch thương mại dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh, lão khoa, hỗn hợp…	X
3.55	Xây dựng bến tàu thủy nội địa (phục vụ khách du lịch) và xây dựng, nâng cấp hạ tầng giao thông đến các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh	X
3.56	Xây dựng mới các chợ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
3.57	Xây dựng mới các chợ đầu mối trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
3.58	Nâng cấp, cải tạo các chợ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
3.59	Di dời, xây mới một số chợ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
3.60	Xây dựng một số trung tâm thương mại, dịch vụ hỗn hợp, siêu thị, trung tâm văn hóa - hội chợ - triển lãm	X

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
3.61	Xây dựng mới các siêu thị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
3.62	Xây dựng kho xăng dầu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
3.63	Các dự án thương mại, dịch vụ, du lịch, đô thị, sinh thái, sân gôn khác	
4	**Nông, lâm nghiệp, thủy sản - hạ tầng nông nghiệp - thủy lợi**	
4.1	Ứng dụng công nghệ số vào quản lý chăn nuôi và dịch bệnh trên địa bàn tỉnh	
4.2	Xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm, thủy sản	
4.3	Dự án tái cấu trúc cảnh quan vùng bưởi trọng điểm tại Đoan Hùng; vùng chè trọng điểm tại Tân Sơn, Thanh Sơn	X
4.4	Xây dựng hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản tập trung thuộc huyện Hạ Hòa, Cẩm Khê	X
4.5	Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phát triển nuôi trồng một số loài thủy sản chủ lực, có giá trị kinh tế cao theo liên kết chuỗi.	X
4.6	Cải tạo, nâng cấp các hệ thống trạm bơm tưới, tiêu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	
4.7	Nạo vét, nắn chỉnh hệ thống ngòi tiêu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	
4.8	Bổ sung đường ống chính và các tuyến đường ống nhánh đập Ngòi Lao	X
4.9	Cải tạo, nâng cấp các hồ, đập chứa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
4.10	Lắp đặt hệ thống đường ống dẫn nước từ hồ chứa nước Phượng Mao cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp	X
4.11	Cải tạo, nâng cấp, xây dựng hệ thống đường ống dẫn nước từ các công trình tưới, các hồ, đập lớn để phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
4.12	Cải tạo, nâng cấp, xây mới, kiên cố hóa 1000 km hệ thống kênh mương phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
4.13	Đập Thu Cúc	X
4.14	Tu bổ, cải tạo, sửa chữa, gia cố và nâng cấp tuyến đê, kè trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
4.15	Tu bổ, xử lý sạt lở bờ, vở tại các đoạn đê xung yếu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	x
4.16	Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng Vườn quốc gia Xuân Sơn	X
4.17	Bảo vệ và phát triển rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng và nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
4.18	Dự án trồng thâm canh và chế biến sản phẩm chè xanh chất lượng cao	X
4.19	Dự án Trồng cây và chế biến dược liệu	X
4.20	Dự án trồng và chế biến rau củ quả xuất khẩu	X
4.21	Dự án xây dựng nhà máy chế biến thực phẩm	X
4.22	Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao phát triển, chế biến hoa quả	X

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
4.23	Dự án chế biến sản phẩm rau, củ, quả, chè chất lượng cao	X
4.24	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến nông sản gắn với phát triển các vùng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh	X
4.25	Dự án sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm trên cơ sở tận thu các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.	X
4.26	Các dự án nông, lâm nghiệp, thủy sản - hạ tầng nông nghiệp - thủy lợi khác	X
5	**Giao thông**	
5.1	Xây mới các cầu: Vĩnh Chân qua sông Hồng kết nối QL.2D với QL.32C; cầu Vĩnh Lại qua sông Hồng kết nối QL.2D, QL.32C huyện Lâm Thao với cao tốc Bắc Nam phía Tây tại huyện Thanh Thủy, Tam Nông; cầu Cao Phong qua sông Lô kết nối đường Hai Bà Trưng, thành phố Việt Trì với cao tốc Nội Bài - Lào Cai tại nút giao IC-6, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc…	X
5.2	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp đường tỉnh hiện trạng (54 tuyến/794km); Xây dựng cầu cứng, kiên cố thay thế 20 cầu cũ tải trọng thấp và 69 đường tràn.	X
5.3	Tuyến đường nối từ quốc lộ 70B đến Vườn Quốc gia Xuân Sơn	X
5.4	Đường nối thị xã Phú Thọ qua Cẩm Khê đến huyện Yên Lập (kết nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai, đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 32C đi Yên Bái, Quốc lộ 70B đi Hòa Bình) - Cầu Tình Cương. Dự kiến ĐT 313K	X

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
5.5	Tuyến đường từ nút giao IC11 đến Khu du lịch đô thị, văn hóa - thể thao và học viện Gôn Ao Châu	X
5.6	Đường nối Khu di tích lịch sử quốc gia Đền Hùng với Khu du lịch Xuân Sơn. Dự kiến là đường tỉnh ĐT.325E	X
5.7	Đường giao thông kết nối từ cầu Đồng Quang đến QL.32 tại ngã ba Việt Tiến, xã Địch Quả, huyện Thanh Sơn. Dự kiến là đường tỉnh ĐT.317I	X
5.8	Đường tránh thị trấn Cẩm Khê, đoạn từ QL.32C đi ĐT.313 - dự kiến ĐT.313H	X
5.9	Đường kết nối từ thành phố Việt Trì - huyện Lâm Thao - Thị xã Phú Thọ - huyện Thanh Ba - dự kiến ĐT.320E	X
5.10	Đường giao thông kết nối từ QL.70B, xã Phúc Khánh qua xã Minh Hòa, huyện Yên Lập đến xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê. Dự kiến là đường tỉnh ĐT.313I.	X
5.11	Đường giao thông kết nối từ ĐT.322 tại xã Phú Lâm, huyện Đoan Hùng đến ĐT.314D tại xã Đông Lĩnh, huyện Thanh Ba. Dự kiến là đường tỉnh ĐT.322B	X
5.12	Đường giao thông kết nối từ QL.2D, thị xã Phú Thọ đến QL.32C, xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê - dự kiến ĐT.320	
5.13	Đường nối nút giao lên xuống IC8 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến Khu di tích lịch sử quốc gia Đền Hùng - Dự kiến là đường tỉnh ĐT.325H	X

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
5.14	Đường giao thông kết nối QL.70B, xã Yên Sơn huyện Thanh Sơn với cao tốc Hòa Bình - Sơn La tại nút giao IC.02, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình.	X
5.15	Tuyến đường từ khu công nghiệp Thụy Vân đến thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao	X
5.16	Tuyến đường nối từ đường Trường Chinh qua xã Kim Đức đến đường Âu Cơ	X
5.17	Tuyến đường vành đai phía Tây Nam thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập	X
5.19	Đường Vành đai phía Bắc thị xã Phú Thọ (kết nối QL.2 - đường Hồ Chí Minh - ĐT.320C - QL.2D - CCN Nam Thanh Ba - cầu Tình Cương) - Dự kiến là đường tỉnh ĐT.315G.	X
5.20	Nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang một số tuyến đường nội thị thị trấn Đoan Hùng, huyện Đoan Hùng	X
5.21	Cải tạo, sửa chữa đường giao thông liên xã Văn Miếu - Thượng Cửu, huyện Thanh Sơn	X
5.22	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 317D, đoạn từ Quốc lộ 70B, xã Tất Thắng, huyện Thanh Sơn đi xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy	X
5.23	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường tỉnh trên địa bàn tỉnh	X
5.24	Đầu tư xây dựng cảng cạn kết hợp với trung tâm logistics	X
5.25	Xây dựng các bến xe mới trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
5.26	Xây dựng Trung tâm đăng kiểm một số huyện, thành phố, thị xã	X

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
5.27	Xây dựng cơ sở đào tạo, sát hạch lái xe một số huyện, thành phố, thị xã	X
5.28	Đầu tư xây dựng, nâng cấp cụm bến, cảng thủy nội địa hàng hóa, cảng thủy nội địa chuyên dùng, cảng cạn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
5.29	Đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics cấp vùng; Trung tâm logistics cấp tỉnh	X
5.30	Dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm và thanh thải chướng ngại vật, đá ngầm trên các tuyến đường thủy nội địa	
5.31	Các dự án, công trình giao thông khác…	X
6	**Môi trường - ứng phó biến đổi khí hậu - phòng chống thiên tai**	
6.1	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	X
6.2	Xây dựng hệ thống quan trắc cảnh báo môi trường và phòng ngừa dịch bệnh phục vụ nuôi trồng thủy sản.	X
6.3	Bố trí ổn định dân cư tại chỗ vùng thiên tai có nguy cơ sạt lở, lũ ống, lũ quét trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
6.4	Khu tái định cư tập trung vùng thiên tai có nguy sạt lở đất và lũ quét trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
6.5	Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các huyện miền núi	X

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
6.6	Đầu tư, nâng cấp các công trình đo đạc, quan trắc, giám sát tự động và cảnh báo sớm thiên tai trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
6.7	Tuyến đường tránh lũ và sơ tán dân nối từ tỉnh lộ 316 đến xóm Dù xã Xuân Sơn huyện Tân Sơn.	X
6.8	Xây dựng cầu thay thế các đường tràn trên hệ thống đường tỉnh	
6.9	Đường tránh lũ và sơ tán dân nối từ Thị trấn Yên Lập đến đường vào khu công nghiệp Cẩm Khê kết nối với nút giao IC10 cao tốc Nội Bài - Lào Cai	X
6.10	Đường tránh lũ và sơ tán dân Văn Miếu - Hương Cần, huyện Thanh Sơn	X
6.11	Đường tránh lũ và sơ tán dân từ xã Xuân An qua hồ Ngòi Giành đến trung tâm xã Trung Sơn, huyện Yên Lập	X
6.12	Đường tránh lũ và sơ tán dân từ QL70B xã Phúc Khánh qua hồ Ly, xã Thượng Long đến hồ Ngòi Giành, xã Trung Sơn, huyện Yên Lập	X
6.13	Đường tránh lũ và sơ tán dân Bảo Yên - Sơn Thủy - Tất Thắng, huyện Thanh Thủy và Thanh Sơn	X
6.14	Đường tránh lũ và sơ tán dân từ cầu Bến Sơn thị trấn Yên Lập đến thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn	X
6.15	Các công trình khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo an toàn giao thông trong mùa mưa lũ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
6.16	Sửa chữa, cải tạo, mở rộng, nâng cấp Hệ thống các công trình cấp nước sạch, cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	
6.17	Xây dựng các khu xử lý nước thải tập trung trên địa bàn thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ	X
6.18	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các nhà máy, khu xử lý, lò đốt, bãi chôn lấp chất thải rắn trên địa bàn các huyện, thành, thị...	X
6.19	Dự án cải tạo các bãi rác thải sinh hoạt tập trung xuống cấp và ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	
6.20	Xây dựng các điểm tập trung chất thải rắn trên địa bàn các huyện, thành, thị	X
6.21	Các dự án môi trường - ứng phó biến đổi khí hậu - phòng chống thiên tai khác	X
7	**Thông tin và truyền thông**	
7.1	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu và triển khai điện toán đám mây riêng của tỉnh Phú Thọ	
7.2	Nâng cấp và mở rộng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và xây dựng kho lưu trữ dữ liệu gốc trung tâm (Data lake)	
7.3	Triển khai cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng, dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	
7.4	Nâng cấp công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và Mở rộng năng lực mạng truyền dẫn dùng riêng của tỉnh Phú Thọ	

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
7.5	Phát triển trạm thu phát sóng (BTS) và cải tạo cột ăng ten trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	
7.6	Triển khai hoàn thiện Chính quyền điện tử/Chính quyền số tỉnh Phú Thọ	
7.7	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện	
7.8	Nâng cấp Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC)	
7.9	Số hóa phát thanh và hệ thống truyền thanh cơ sở.	
7.10	Mở rộng mạng lưới và nâng cấp các điểm Bưu điện văn hóa xã đa chức năng	X
7.11	Các dự án thông tin, truyền thông khác	
8	**Y tế**	
8.1	Tăng cường năng lực hệ thống y tế tỉnh Phú Thọ	
8.2	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Phú Thọ	
8.3	Đầu tư xây dựng các cơ sở y tế tuyến huyện	X
8.4	Đầu tư trang thiết bị y tế cho các cơ sở khám chữa bệnh công lập tỉnh Phú Thọ	
8.5	Cải tạo, nâng cấp 17 bệnh viện/Trung tâm y tế hai chức năng tuyến tỉnh, huyện	
8.6	Nâng cấp cơ sở vật chất cho các chuyên ngành: Ung bướu, đột quỵ, tim mạch, chấn thương chỉnh hình (thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh) và Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh	

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
8.7	Mở rộng, nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	
8.8	Xây dựng Bệnh viện Lão khoa	X
8.9	Xây dựng Bệnh viện Ung bướu	X
8.10	Xây dựng Bệnh viện Tim mạch	X
8.11	Xây dựng các bệnh viện đa khoa, bệnh viện phục hồi chức năng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
8.12	Xây dựng các trung tâm điều dưỡng chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, phục hồi chức năng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
8.13	Xây dựng các nhà máy/cơ sở sản xuất thuốc tân dược, đông dược, dược liệu	X
8.14	Xây dựng các nhà máy/cơ sở sản xuất vật tư, thiết bị y tế	X
8.15	Các dự án y tế khác	X
9	**Giáo dục và đào tạo**	
9.1	Đầu tư cơ sở vật chất Trường Đại học Hùng Vương	X
9.2	Đầu tư cơ sở vật chất Trường Cao đẳng nghề Phú Thọ	X
9.3	Đầu tư cơ sở vật chất Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ	X
9.4	Đầu tư cơ sở vật chất Trường Cao đẳng công nghiệp Thực phẩm	X
9.5	Dự án xây dựng Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ, giai đoạn 2	X

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
9.6	Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị đào tạo Trường Trung cấp Kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng	X
9.7	Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị đào tạo trạm Y tế và thực hành điều dưỡng, Trường Đại học Hùng Vương	X
9.8	Các dự án giáo dục - đào tạo khác	X
10	**Giáo dục nghề nghiệp**	
10.1	Xây dựng trường đào tạo nghề chất lượng cao	X
10.2	Đầu tư xây dựng Trường liên cấp chất lượng cao	X
10.3	Đầu tư trường đào tạo nghề đa ngành (mô hình liên doanh, liên kết)	X
10.4	Các dự án giáo dục nghề nghiệp khác	
11	**Văn hóa - thể thao**	
11.1	Dự án Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Đền Hùng	X
11.2	Nhà làm việc khu liên hợp Thể dục, Thể thao tỉnh Phú Thọ	X
11.3	Nhà ở vận động viên kết hợp dịch vụ tại khu liên hợp Thể dục, Thể thao tỉnh Phú Thọ	X
11.4	Xây dựng trung tâm triển lãm nghệ thuật cấp tỉnh	X
11.5	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao trên địa bàn các huyện, thành, thị	X
11.6	Tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh	X

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
11.7	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, xây dựng các sân vận động, các quần thể văn hóa, thể thao, Trung tâm thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh	X
11.8	Xây dựng công viên trung tâm các huyện, thành, thị	X
11.9	Các dự án văn hóa - thể thao khác	X
12	**Trụ sở làm việc cơ quan nhà nước**	
12.1	Đầu tư phát triển mạng lưới doanh trại, trụ sở cảnh sát PCCC và CNCH giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
12.2	Đầu tư xây dựng các kho dự trữ Quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
12.3	Các dự án xây mới, sửa chữa nâng cấp trụ sở các cơ quan, đơn vị	X
12.4.	Các dự án trụ sở làm việc cơ quan nhà nước khác	
13	**Nghĩa trang, dịch vụ công cộng**	
13.1	Nghĩa trang tập trung thành phố Việt Trì (Khu vực núi Sông Lớn, xã Kim Đức)	X
13.2	Cải tạo, mở rộng nghĩa trang tập trung các đô thị (13 đô thị)	X
13.3	Đầu tư xây dựng lò hỏa táng gắn với nhà tang lễ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	X
13.4	Nhà tang lễ thành phố Việt Trì	X
13.5	Các nhà tang lễ trên địa bàn các huyện, thị	X
14	**Năng lượng - Điện**	
14.1	Xây dựng nhà máy thủy điện Lai Đồng	X

STT	Tên dự án, công trình	Ghi chú *(Đối với các dự án dự kiến có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa)*
14.2	Xây dựng nhà máy thủy điện Thu Cúc	X
14.3	Xây dựng nhà máy điện sinh khối tại huyện Thanh Sơn	X
14.4	Các dự án điện mặt trời, điện gió, điện tự dùng (Điện tận dụng nhiệt thải trong các KCN) trên các hồ chứa nước lớn; đồi lớn, trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	X
14.5	Các dự án năng lượng - điện khác	X
15	**Hạ tầng cấp, thoát nước**	
15.1	Dự án hạ tầng cấp nước các đô thị hiện hữu	X
15.2	Dự án hạ tầng cấp nước các đô thị mới	X
15.3	Dự án nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn	X
15.4	Hệ thống thoát nước các đô thị hiện hữu	X
15.5	Hệ thống thoát nước các đô thị mới	X
15.6	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Việt Trì (cải tạo, nâng cấp)	X
15.7	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thị xã Phú Thọ	X
15.8	Các dự án hạ tầng cấp, thoát nước khác	X

Ghi chú:

1. Đối với các dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư và các dự án đang xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án (nếu có): Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ rà soát, cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư dự án;

đối với các dự án đang xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án: chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

2. Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các dự án sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

3. Các công trình, dự án đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đầu tư trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Quy hoạch cấp quốc gia và Quy hoạch vùng được phê duyệt./.

Phụ lục XXIII

DANH MỤC BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH PHÚ THỌ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên bản đồ	TỈ LỆ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
5	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
6	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000